TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ PHAN THIẾT** **TỈNH BÌNH THUẬN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 38/2019/DS-ST
Ngày: 30-10-2019.
Về việc: "Tranh chấp hợp đồng mua bán"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PHAN THIẾT, TỈNH BÌNH THUẬN

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Quách Văn Hoàng
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Đỗ Văn Hòa
2. Bà Lê Thị Thu Hương

Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Thái – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận.

Đại diện Việt kiểm sát nhân dân thành phố Phan Thiết tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy An – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 10 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 192/2019/TLST-DS ngày 17/7/2019 *"V/v Tranh chấp hợp đồng mua bán"*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 194/2019/QĐXXST-DS ngày 25/9/2019, Quyết định hoãn phiên tòa số 328/2019/QĐST-DS ngày 15/10/2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông NTT, sinh năm 1959 (có mặt)
Nơi cư trú: Khu phố 07, phường P, Tp P, tỉnh Bình Thuận.

Bị đơn: Ông NVC, sinh năm 1971 (có mặt)
Bà NTBL, sinh năm 1976 (vắng mặt)
Cùng nơi cư trú: Khu phố 03, phường X, Tp P, tỉnh Bình Thuận.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà ĐTT, sinh năm 1965, nơi cư trú: Khu phố 07, phường P, Tp P, tỉnh Bình Thuận (vắng mặt).

Bà ĐTT ủy quyền cho ông NTT tham gia tố tụng tại Tòa án theo Giấy ủy quyền được công chứng tại Văn phòng công chứng Phan Thiết ngày 02/8/2019, số công chứng 6360, quyển số 09/2019 TP/CC-SCC/HĐGD.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa ông NTT là nguyên đơn, đồng thời là người đại diện hợp pháp của người có quyền, nghĩa vụ liên quan trình bày:

Do vợ chồng ông NTT, bà ĐTT và ông NVC, bà NTBL có thỏa thuận giao dịch mua bán gạo với nhau nhưng chỉ bằng lời nói nên từ cuối tháng 12/2014 ông T, bà T nhiều lần bán gạo cho bà L, ông C để làm bún. Sau mỗi lần mua gạo, ông C, bà L không thanh toán hết nên số tiền nợ ngày càng tăng lên.

Đến ngày 04/10/2015 bà L, ông C nợ tiền mua gạo lên đến 508.804.000 đồng, ông T, bà T không cho nợ thêm nữa và yêu cầu thanh toán. Ban đầu ông C, bà L hứa trả mỗi tháng 20.000.000 đồng nhưng chỉ trả được vài tháng, rồi xin trả mỗi tháng 10.000.000 đồng, vợ chồng ông T cũng đồng ý nhưng họ tiếp tục chỉ trả được vài tháng và còn nợ lại số tiền 409.000.000 đồng.

Tháng 3/2017 ông T, bà T khởi kiện, ông C, bà L thừa nhận còn nợ 409.000.000 đồng. Ngày 27/7/2017 vợ chồng ông C, bà L trả thêm được 80.000.000 đồng và năn nỉ cho thời gian trả nợ và làm giấy cam kết hứa mỗi tháng trả 10.000.000 đồng và khi nào lấy gạo lại thì xin ngưng trả số tiền trên một thời gian, nếu không lấy gạo nữa sẽ thanh toán hết số tiền còn nợ nên ông T, bà T rút lại yêu cầu khởi kiện. Nhưng ông C, bà L chỉ trả được 02 tháng đầu được 20.000.000 đồng thì lại chây ỳ không trả nên vợ chồng ông T, bà T tiếp tục khởi kiện thì họ tiếp tục năn nỉ nên tiếp tục rút lại yêu cầu khởi kiện, đến tháng 5/2018 vợ chồng ông C, bà L trả thêm được 10.000.000 đồng, còn nợ lại 299.000.000 đồng. Sau đó ông C, bà L đòi trả một tháng 5.000.000 đồng nhưng ông T, bà T không đồng ý.

Nay ông T yêu cầu ông NVC, bà NTBL trả cho ông T, bà T số tiền mua gạo còn nợ là 299.000.000 đồng và không yêu cầu tính lãi đối với số tiền trên.

Theo lời khai ngày 11/9/2019, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn ông NVC trình bày:

Ông và bà NTBL có làm ăn và mua gạo ở cửa hàng của ông T, bà T nhiều lần, ông và bà L đã trả được nhiều tiền cho ông T, bà T và còn nợ lại 409.000.000 đồng. Sau khi ông T, bà T khởi kiện ra tòa, trong quá trình Tòa án giải quyết ông và bà L có trả được 80.000.000 đồng, còn nợ lại 329.000.000 đồng và làm giấy cam kết nên ông T, bà T rút lại yêu cầu khởi kiện. Nhưng do làm ăn khó khăn, nợ nần nhiều nên ông và bà L chỉ trả thêm được 30.000.000 đồng thì không trả được nữa.

Nay ông T, bà T yêu cầu trả số tiền 299.000.000 (hai trăm chín mươi chín triệu) đồng thì ông C cũng thừa nhận còn nợ của ông T, bà T số tiền trên, nhưng do khó khăn chưa có điều kiện trả một lần nên xin trả mỗi tháng 3.000.000 đồng cho đến khi hết nợ.

Bị đơn bà NTBL đã được Tòa án tống đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Thông báo nộp văn bản ghi ý kiến, cung cấp tài liệu, chứng cứ; yêu cầu phản tố,... nhưng vẫn không trình bày ý kiến cũng như cung cấp tài liệu, chứng cứ để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho mình.

Vụ việc đã được Tòa án hòa giải nhưng do đương sự không thỏa thuận được với nhau nội dung vụ án và bị đơn NTBL không đến tham gia hòa giải nên không thành.

Sau khi những người tham gia tố tụng trình bày ý kiến, vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phan Thiết phát biểu ý kiến về việc tuân thủ theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, của nguyên đơn, bị đơn ông NVC, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng trình tự, thủ tục do Bộ luật tố tụng dân sự quy định. Bị đơn bà NTBL chưa chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án đề nghị Hội đồng xét xử, xử theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Căn cứ vào bản cam kết ngày 27/7/2017 và lời trình bày của ông C tại Tòa án thì việc ông T, bà T yêu cầu vợ chồng ông C, bà L phải trả số tiền mua gạo còn lại là 299.000.000 đồng là có căn cứ nên đề nghị hội đồng xét xử chấp nhận. Đối với tiền lãi do ông T, bà T không yêu cầu nên không xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Ông NTT yêu cầu ông NVC, bà NTBL trả 299.000.000 đồng tiền mua bán gạo. Bị đơn ông NVC, bà NTBL cư trú tại Khu phố 03, phường X, Tp P, tỉnh Bình Thuận. Vì vậy, hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là hợp đồng dân sự, cụ thể là"Tranh chấp hợp đồng mua bán" được quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Phan Thiết theo quy định tại điểm a khoản 01 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Bà NTBL đã được Tòa án nhân dân Tp Phan Thiết triệu tập hợp lệ lần thứ 2 đến phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, hội đồng xét xử xét xử vắng mặt bà NTBL.

[3] ***Về nội dung vụ án:***

Ông NTT, bà ĐTT yêu cầu ông NVC, bà NTBL trả số tiền mua gạo còn lại là 299.000.000 đồng. Chứng cứ nguyên đơn xuất trình là giấy cam kết ngày 27/7/2017. Bà NTBL vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, không cung cấp chứng cứ và trình bày ý kiến đối với yêu cầu của ông T, bà T chứng tỏ bà đã tự khước từ quyền tham gia tố tụng để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Tuy nhiên trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa ông NVC đều thừa nhận ông và bà L có nhiều lần mua gạo của ông T, bà T, đồng thời có viết giấy cam kết vào ngày 27/7/2017 cho ông T, bà T, sau đó có trả thêm

được 30.000.000 đồng, còn nợ lại 299.000.000 đồng, nhưng do khó khăn nên yêu cầu được trả mỗi tháng 3.000.000 đồng. Như vậy, có đủ căn cứ xác định giữa ông NTT, bà ĐTT và ông NVC, bà NTBL có quan hệ mua bán gạo với nhau là có thật và đến nay ông C, bà L còn nợ ông T, bà T số tiền 299.000.000 đồng. Do đó ông T, bà T yêu cầu ông C, bà L trả số tiền này là có căn cứ.

Đối với tiền lãi do ông T, bà T không yêu cầu nên hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Giao dịch mua bán gạo giữa ông T, bà T và ông C, bà L diễn ra từ cuối năm 2014 cho đến thời điểm sau khi Bộ luật dân sự 2015 có hiệu lực pháp luật nên đang được thực hiện có nội dung và hình thức phù hợp với Bộ luật dân sự năm 2015. Theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 688 Bộ luật dân sự năm 2015, khi giải quyết thì áp dụng Bộ luật dân sự năm 2015 để giải quyết.

[5] Xét ý kiến của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[6] ***Về án phí***: Ông NVC, bà NTBL phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ khoản 3 Điều 26; Điều 35; Điều 39, Điều 147; Điều 227, Điều 228; Điều 235; Điều 266 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Điều 357; 430; 440; điểm b khoản 1 Điều 688 Bộ luật dân sự năm 2015;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Luật thi hành án dân sự.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông NTT.

Buộc ông NVC, bà NTBL phải trả cho ông NTT, bà ĐTT số tiền mua gạo còn nợ là 299.000.000 *(hai trăm chín mươi chín triệu)* đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án nếu người bị thi hành án chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015; nếu không có thỏa thuận thì được thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Về án phí: Ông NVC, bà NTBL phải chịu 14.950.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Số tiền 7.475.000 đồng tạm ứng án phí do nguyên đơn ông NTT đã nộp

theo biên lai thu tiền số 0027805 ngày 17/7/2019 do Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Phan Thiết thu được trả lại cho ông T.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Ông NTT, bà ĐTT, ông NVC có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (30/10/2019). Bà NTBL có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND Tp PT;
- CCTHADS Tp PT;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

QUÁCH VĂN HOÀNG